

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày: 06/8/ 2019

V/v yêu cầu bồi thường thiệt
hại do sức khỏe bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thi .

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiên Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2018/TLST-DS ngày 77 tháng 7 năm 2018 về “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019; Quyết định tạm dừng phiên tòa số 08A/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy báo mở lại phiên tòa ngày 01/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 27, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn B – Luật sư Văn phòng Luật sư Châu Đốc thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tr (Út Đ), sinh năm 1953 và bà Thái Thị Bích H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Tổ 27, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Bà Huỳnh Thị Kim L1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang;

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 16, khóm H, phường N thành phố D, tỉnh An Giang;

- Bà Đặng Huỳnh Bảo Tr1, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 9, khóm H, phường N thành phố D, tỉnh An Giang;

- Ông Võ Hoàng S, sinh năm 1985; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã D, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Bà Thái Thị Kim L2, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Ông Thái Bình L3, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Bà Thái Thị Mỹ D, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1942; địa chỉ: Tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà L và Luật B có mặt; bà Tr, bà H và những người làm chứng vắng mặt (bà Tr có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thu L trình bày: Vào năm 2015, do bà có xảy mâu thuẫn với bà Tr và bà H trong lúc hai bên cãi nhau bà Tr và bà H đánh bà gây thương tích với tỷ lệ thương tật qua giám định là 9%.

Bà có làm đơn yêu cầu xử lý hình sự, quá trình điều tra, đến ngày 13/4/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu ra Quyết định về việc không khởi tố vụ án hình sự do hành vi không cấu thành tội phạm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm:

- Tiền thuốc điều trị 24.961.000 đồng
- Chi phí đi lại, tiền thuê người nuôi bệnh tổng cộng: 10.000.000 đồng.
- Chi thẩm mỹ (sửa mũi): 15.000.000 đồng;
- Tiền mất thu nhập: 02 tháng x 1.000.000 đồng/ngày = 60.000.000 đồng. (mức thu nhập vào dịp cao điểm vía bà);
- Tiền thuê mặt bằng hai tháng không kinh doanh được là 20.000.000 đồng;
- Tiền làm ảnh hưởng hàng hóa bị hư hỏng là 1.715.000 đồng;
- Tiền làm tổn thương tinh thần là 20 lần x 1.390.000 đồng = 27.800.000 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường là 131.676.000 đồng.

Bà L rút yêu cầu bồi thường hại về tài sản với số tiền 1.715.000 đồng và không làm thủ tục nộp tạm ứng án phí.

Quá trình thụ lý Tòa án hỗ trợ nguyên đơn thu thập chứng cứ gồm trích lục hồ sơ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc giải quyết vụ cố ý gây thương tích giữa nguyên đơn và bị đơn.

Chứng minh cho các thiệt hại phát sinh trong quá trình điều trị thương tật, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các chứng cứ:

** Điều trị tại Bệnh viện đa khoa Nhật Tân năm 2015:*

- Giấy ra viện của Bệnh viện đa khoa Nhật Tân từ ngày 12/4/2015 đến ngày 26/4/2015;

- Hồ sơ bệnh án tại bệnh viện Nhật Tân;
- Phiếu thu ngày 26/4/2015 với số tiền 6.549.836 đồng;
- Phiếu thu ngày 13/4/2015: 1.040.000 đồng + 303.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 04/5/2015: 31.000 đồng và toa thuốc 156.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 11/5/2015: 31.000 đồng + 15.000 đồng và toa thuốc 15.000 đồng + 79.000 đồng + 70.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 18/5/2015: 31.000 đồng và toa thuốc 30.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 27/5/2015: 165.000 đồng + 31.000 đồng + 100.000 đồng và toa thuốc 31.000 đồng + 30.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 02/6/2015: 31.000 đồng và toa thuốc 35.112 đồng;
- Toa thuốc ngày 10/6/2015: 62.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 11/6/2015; 36.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 17/6/2015: 31.000 đồng và toa thuốc 67.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 6/7/2015: 31.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 24/8/2015: 31.000 đồng và toa thuốc : 26.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 14/10/2015: 754.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 18/10/2015: 5.372.816 đồng;
- Phiếu thu ngày 28/10/2015: 35.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 04/11/2015: 31.000 đồng và toa thuốc 47.600 đồng;
- Phiếu thu ngày 02/12/2015: 60.000 đồng + 31.000 đồng và toa thuốc 174.158 đồng;

Cộng: 15.563.524 đồng.

** Điều trị tại Bệnh viện đa khoa Nhật Tân năm 2016:*

- Phiếu thu ngày 03/02/2016: 31.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 14/4/2016: 35.000 đồng;
- Phiếu thu ngày 27/10/2016: 66.000 đồng + 35.000 đồng + 320.900 đồng;
- Bảng kê chi phí khám chữa bệnh nội trú từ ngày 27/10/2016 đến ngày 28/10/2016 + Phiếu thu ngày 28/10/2016: 1.340.679 đồng;

Cộng: 1.828.579 đồng.

** Điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang năm 2015:*

- Biên lai thu tiền ngày 12/4/2015: 63.081 đồng;
- 06 Biên lai thu tiền ngày 04/6/2015: 12.000 đồng + 70.000 đồng = 13.925 đồng + 12.000 đồng + 70.000 đồng.

Cộng: 177.925 đồng;

** Điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy:*

- Vé khám bệnh dịch vụ ngày 16/9/2014: 60.000 đồng;
- Hóa đơn bán hàng ngày 23/6/2015: 203.280 đồng;
- Hóa đơn bán hàng ngày 29/7/2015 : 889.625 đồng;
- Hóa đơn bán hàng ngày 19/8/2015: 1.266.271 đồng;
- Hóa đơn bán hàng ngày 16/9/2015: 63.000 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 16/9/2015: 233.000 đồng;

Cộng: 2.715.176 đồng.

** Bệnh viện chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh:*

- Hóa đơn tiền thuốc ngày 23/6/2015: 960.640 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 23/6/2015: 17.000 đồng;
- Hóa đơn tiền thuốc ngày 29/7/2015: 1.626.800 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 29/7/2015: 17.000 đồng;
- Hóa đơn tiền thuốc ngày 19/8/2015: 843.600 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 19/8/2015: 17.000 đồng;
- Hóa đơn tiền thuốc ngày 16/9/2015: 406.060 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 16/9/2015: 17.000 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 23/6/2015: 116.000 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 19/8/2015: 58.000 đồng;
- Biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 16/9/2015: 59.000 đồng;

Cộng: 4.138.100 đồng.

Chi phí điều trị tổng cộng: 24.423.304 đồng.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Tr trình bày: Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn cũng là người bị hại do đã bị nguyên đơn dùng 02 chai thủy tinh đánh vào mặt gây răng, tét lỗ mũi, trúng vào vùng đầu gây thương tích với tỷ lệ thương tật qua giám định 4%, tiền điều trị là 4.000.000 đồng, chi phí điều trị của nguyên đơn khoảng 6.000.000 đồng. Đồng thời bà Tr có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu bà L bồi thường cho bà các chi phí điều trị gồm tiền thuốc và viện phí 4.000.000 đồng. Ngoài lời khai bà Tr không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác cho Tòa án.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Thái Thị Bích H trình bày: Bị đơn không đồng ý các khoản tiền do bà L yêu cầu bồi thường. Khi nhìn thấy đầu tóc bà Tr chảy máu, nên bà nắm tóc bà L dùng tay đánh vào mặt, bà L cũng dùng tay đánh trả lại, nhưng bà không rõ thương tích của bà L ở chỗ nào trên vùng mặt, bà không nhìn thấy việc bà L đánh bà Tr. Chi phí điều trị của bà L tại Bệnh viện Nhật Tân khoảng 8.000.000 đồng, bà nhận trách nhiệm cùng bà Tr bồi thường cho bà L; thương tích chân của bà L không do bà gây ra.

Chứng kiến sự việc, bà L2, bà Th, bà D, ông Đ, ông S, trình bày: Vào khoảng 15 giờ ngày 12/4/2015 tại nhà trọ Ngọc Bích thuộc tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, nghe có tiếng ồn ào, khi đến nơi các ông, bà nhìn thấy bà Tr đang nắm đầu bà L ghì xuống đường để bà H dùng tay, chân đánh vào mặt, vào người bà L, còn bà L hai tay cầm hai chai dầu phong quơ đánh trả lại bà Tr trúng vào mặt, sau đó được mọi người can ngăn; vùng mặt bà L chảy nhiều máu và chân đi khập khể.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chi phí thẩm mỹ 15.000.000 đồng.

Ý kiến Luật sư Phan Văn B: Lời khai của bà H, bà Tr trong quá trình điều tra tại Cơ quan điều tra đều thừa nhận sau khi lời qua tiếng lại, cả hai qua chỗ nguyên đơn kinh doanh, rồi bà Tr nắm tóc nguyên đơn để bà H đánh gây thương tích với tỷ lệ 9% đủ chứng cứ chứng minh, nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường chi phí điều trị và các khoản khác theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Xét việc bị đơn có hành vi dùng tay đánh bà nguyên đơn gây thương tích tỷ lệ 9%, bà L nhập viện tại Bệnh viện Nhật Tân điều trị từ ngày 12/4/2015 đến ngày 26/4/2015, kết quả chụp X quang ngày 12/4/2015 ngón V bàn chân trái của nguyên đơn bị gãy nhưng chưa điều trị, sau đó ngày 14/10/2015 đến ngày 18/10/2015 nguyên đơn phải nhập viện điều trị. Do đó, xét chấp nhận một phần chi phí điều trị thương tích do bị đơn gây ra các lần điều trị theo chỉ định của bác sĩ có hóa đơn kèm theo cụ thể lần đầu tại Bệnh viện Nhật Tân 6.549.836 đồng và lần hai là 5.372.816 đồng. Đối với các lần khám tại Trung tâm chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh là tự đi không có chỉ định của bác sĩ.

Đối với yêu cầu mất thu nhập, chi phí nuôi bệnh, tiền thuê mặt bằng kinh doanh trong 02 tháng do nguyên đơn không cung cấp tài liệu thể hiện nên xét chấp nhận một phần yêu cầu đối với tiền mất thu nhập và chi phí cho người nuôi bệnh trong những ngày nằm viện thực tế có chứng từ kèm theo tại Bệnh viện Nhật Tân; nguyên đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh cho mức thu nhập thực tế mỗi ngày bao nhiêu nên xét t.linh theo mức thu nhập bình quân của lao động bình thường; đối với tiền thuê mặt bằng nguyên đơn không chứng minh được việc ngưng kinh doanh nên không có cơ sở xem xét.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, tại phiên tòa bà L yêu cầu 30 tháng lương tối thiểu, xét thương tích của nguyên đơn là 9% , do đó điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật.

Đề nghị đình chỉ yêu cầu bồi thường thẩm mỹ do nguyên đơn rút lại yêu cầu. Riêng đối với yêu cầu phản tố của bà Tr, trong quá trình giải quyết bà không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm; bị đơn có nơi cư trú tại khóm Vĩnh Tây 1 , phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Tr có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Việc rút yêu một phần yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường chi phí thẩm mỹ 15.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử một phần yêu cầu đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Về nội dung:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng có căn cứ xác định: Vào ngày 12/4/2015, giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau, kết quả nguyên đơn bị thương tật 9% từ hành vi bị đơn dùng tay, chân đánh và bị đơn bị thương tật 2% từ hành vi của nguyên đơn dùng vỏ chai dầu phong (không thu giữ được) đánh vào đầu, mặt. Trong quá trình giải quyết vụ việc tại Cơ quan cảnh sát điều tra, bị đơn có đơn không yêu cầu xử lý hình sự, ngoài ra do hành vi không cấu thành tội phạm nên ngày 13/4/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân bị gãy xương sống mũi và ngón 5 của bàn chân trái là do bị đơn dùng tay đánh vào mặt, dùng cây tre có móc sắt đánh vào chân, không dùng chai dùng phong đánh bị đơn vào vùng mặt. Bị đơn bà H cho rằng thương tích vùng chân trái của nguyên đơn không do bà gây ra.

Tuy nhiên tài liệu chứng cứ, lời khai nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng có trong hồ sơ tại Cơ quan điều tra đều xác định bị đơn gây thương tích cho nguyên đơn bằng tay không và nguyên đơn gây thương tích cho bị đơn bằng chai dầu phong (không tìm được).

Theo giấy chứng nhận thương tích và kết quả giám định xác định: Thương tích của nguyên đơn, chấn thương phần mềm vùng đầu, vùng mặt, vùng bàn chân trái- không tồn tại, gãy xương mũi; thương tích của bị đơn bà Tr chấn thương vùng đầu, vùng mặt- ổn định.

[2] Xem xét đối với số tiền 24.961.000 đồng chi phí phát sinh trong quá trình điều trị của nguyên đơn:

Nguyên đơn cung cấp các toa thuốc, trong đó điều trị tại Bệnh viện đa khoa Nhật Tân và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang, tổng cộng là 17.570.028 đồng. Xét đây là chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe của nguyên đơn có hồ sơ bệnh án và có quá trình điều trị nên chấp nhận chi phí này, còn lại 7.390.972 đồng nguyên đơn tự đi điều trị không có sự chỉ định của bác sĩ, không hồ sơ bệnh án, chỉ gồm các hóa đơn tiền thuốc nên không có căn cứ chấp nhận như quan điểm của Kiểm sát viên.

[3] Xem xét đối với số tiền 10.000.000 đồng chi phí đi lại và tiền thuê người nuôi bệnh trong quá trình nguyên đơn điều trị:

Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chi phí cho các lần đi lại và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính thu nhập thực tế của người nuôi bệnh là 02 người/15 ngày là 6.000.000 đồng.

Xét, chi phí hợp lý và thu nhập của người nuôi bệnh với mức 200.000 đồng/ngày là có cơ sở, tuy nhiên với thương tích của nguyên đơn được xác định cho phép 01 người nuôi bệnh trong thời gian nằm viện 15 ngày x 200.000 đồng = 3.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng không căn cứ chấp nhận.

[4] Về thu nhập thực tế của nguyên đơn và tiền thuê mặt bằng:

Nguyên đơn yêu cầu: 1.000.000 đồng/ngày x 02 tháng = 60.000.000 đồng đây là thời gian vía bà nguyên đơn có thu nhập cao nhất. Tuy nhiên qua xác minh nguyên đơn thuê một phần sân trước cửa nhà ông Tân mua bán nhỏ lẻ hàng mỹ phẩm và vật phẩm cúng bà thuộc khu vực Chùa bà Núi Sam, tháng vía bà mới có thu nhập cao, cho thấy thu nhập thực tế của nguyên đơn là không ổn định nên áp dụng mức lương cơ bản tại thời điểm xét xử để tính cho nguyên đơn là 1.490.000 đồng x 02 tháng = 2.980.000 đồng.

Đối với tiền thuê mặt bằng trong 02 tháng không mua bán được là 20.000.000 đồng, kết quả xác minh ông Tân cho biết nguyên đơn thuê mặt bằng mỗi năm 50.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất 02 tháng x 4.100.000 đồng = 8.200.000 đồng là phù hợp.

[5] Xem xét đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần của nguyên đơn 20 lần x 1.390.000 đồng = 27.800.000 đồng, thấy rằng:

Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.*

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường khoản tiền bù đắp tinh thần là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xem xét về khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần, thấy rằng do bị đơn không đồng ý bồi thường và tỷ lệ thương tật mà bị đơn gây ra cho nguyên đơn chỉ 9% nên chỉ chấp nhận khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương ứng với 9% của mức lương cơ bản do Nhà nước quy định, cụ thể khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần được xác định:

$9\% \times 20 \text{ lần} \times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} = 2.082.000 \text{ đồng}.$

[6] Về trách nhiệm bồi thường và yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bị đơn bà H và bà Tr trong lời khai tại cơ quan điều tra cũng như trong quá trình tố tụng nhận trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn 8.000.000 đồng có khấu trừ 4.000.000 đồng, bà Tr yêu cầu nguyên đơn bồi thường chi phí điều

trị. Tuy nhiên bà Tr không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tr.

Do đó, bị đơn bà Tr và bà H có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn tổng cộng: 17.570.028 đồng + 3.000.000 đồng + 2.980.000 đồng + 8.200.000 đồng + 2.082.000 đồng = 33.832.000 đồng (làm tròn số).

[7] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Tuy nhiên bà Tr được miễn án phí dân sự theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; còn lại bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Võ Thị Thu L đối với yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Tr (Út Đ) và bà Thái Thị Bích H có trách nhiệm bồi thường cho bà Võ Thị Thu L số tiền 33.832.000 (ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tr về việc yêu cầu bà Võ Thị Thu L bồi thường chi phí điều trị 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

[4] Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Tr; bà H phải chịu 846.000 (tám trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy